

**ĐÔI ĐIỀU CẦN BÀN VỀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH  
SỐ 74/2008/TTLT/BTC-BNN NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2008  
HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH  
TRONG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP**

TS. NGUYỄN THỊ XUÂN LAN

Ngày 28/5/2002, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư liên tịch số 48/2002/TTLT-BTC-BNNPTNT để hướng dẫn chế độ quản lý tài chính cho các HTX nông nghiệp. Tuy nhiên, do có quá nhiều thiếu sót nên Thông tư này hầu như không được các HTX quan tâm áp dụng. Từ đó đến nay, bên cạnh những vấn đề tài chính thường gặp ở các HTX như: xử lý nợ tồn đọng, quyết định mức vốn góp tối thiểu, chi trả lương cho ban quản trị..., thì một số vấn đề mới liên quan tới công tác quản lý tài chính HTX đã phát sinh cùng với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế. Vì vậy, Thông tư liên tịch số 74/2008/TTLT/BTC-BNN ngày 14/8/2008 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính trong HTX nông nghiệp (*từ đây gọi tắt là Thông tư 74*) đã đáp ứng sự mong đợi của các HTX nông nghiệp, là loại hình HTX có số lượng chiếm tỷ trọng cao nhất, nhưng cũng có nhiều hạn chế và yếu kém về tổ chức, quản lý và hoạt động nhất trong các loại hình HTX ở Việt Nam.

Trước hết, có thể nói Thông tư 74 đã khắc phục được nhiều hạn chế ở

Thông tư 48, đồng thời thể hiện những nội dung mới, phù hợp với yêu cầu quản lý tài chính HTX trong tình hình mới. Đó là những nội dung liên quan tới quản lý vốn, tài sản, chi phí, doanh thu, công nợ, báo cáo tài chính, kiểm tra tài chính, phân phối kết quả kinh doanh. Cụ thể, Thông tư 74 đã nêu được những nội dung giúp các HTX nông nghiệp giải quyết nhiều vấn đề liên quan tới công tác quản lý tài chính như sau:

**- Thống nhất cách hạch toán giá nhập vật tư.** Thực tế trong thời gian qua, các HTX có 2 cách tính giá nhập vật liệu khác nhau: Cách thứ nhất là tính cả chi phí vận chuyển, bốc dỡ... vào giá nhập; Cách thứ hai là tách riêng phần chi phí này đưa vào chi phí kinh doanh (tài khoản 631). Với Thông tư 74, giá hạch toán vật tư nhập kho sẽ thống nhất là phải tính cả những chi phí trên. Điều này hoàn toàn hợp lý vì nếu không tính chi phí vận chuyển, bốc dỡ... vào giá nhập thì có thể dẫn đến việc đánh giá không chính xác về nguồn cung ứng vật tư.

**- Cho phép các HTX được hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho và**

**dự phòng nợ phải thu khó đòi.** Đây là biện pháp giúp các HTX đánh giá đúng hơn về giá trị tài sản hiện tại, có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, bảo toàn vốn kinh doanh. Vấn đề này đã khiến nhiều HTX rất lúng túng và cảm thấy khó khăn khi cần đánh giá tình hình tài chính và báo cáo trước đại hội xã viên trong những thời kỳ giá vật tư, hàng hóa biến động mạnh.

- **Đưa ra quy định về phương pháp tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.** Nội dung này giúp các HTX lựa chọn phương pháp tính toán tiền lương của cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của mình. Đồng thời đảm bảo hạch toán đầy đủ chi phí và đảm bảo quyền lợi của những người làm việc trong HTX.

- **Hướng dẫn quy trình phân phối lợi nhuận hợp lý và phù hợp với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).** Theo đó, lợi nhuận trong năm được bù các khoản lỗ các năm trước rồi mới nộp thuế TNDN; ngoài ra, số lãi sau khi lập quỹ được “chia theo tỷ lệ góp vốn, công sức đóng góp của xã viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ của HTX”. Đây là cách phân phối phù hợp với đặc điểm và mục tiêu hoạt động của HTX. Cần nói thêm là Thông tư số 48/2002/TTLT-BTC-BNNPTNT trước đây không đề cập đến việc phân phối theo mức độ sử dụng dịch vụ; còn Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2003 thì lại nêu “Lợi nhuận sau thuế của

*HTX được sử dụng bù các khoản lỗ năm trước chuyển sang (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan” (Điều 17).* Trình tự phân phối như vậy không phù hợp với Luật thuế TNDN.

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, xét về tính khoa học cũng như khả năng áp dụng vào thực tiễn của một văn bản pháp quy, thì Thông tư 74 vẫn còn một số hạn chế như sau:

a) *Về tính khoa học và logic của một số thuật ngữ sử dụng trong Thông tư 74:*

- Tiêu đề của Mục II là “Quản lý và sử dụng các nguồn vốn”, nhưng có thể thấy nội dung trong mục này chính là quản lý và sử dụng vốn chứ không phải nguồn vốn. Vốn có thể được phân loại theo các tiêu thức khác nhau như: phương thức luân chuyển, hình thái biểu hiện, nguồn hình thành... HTX chỉ có thể quản lý vốn của mình chứ không thể quản lý nguồn hình thành nên vốn, vì đó không phải là đối tượng của quá trình quản lý.

- Việc phân loại vốn chủ sở hữu của HTX thành hai loại là *vốn chia* và *vốn không được chia* là một nội dung mới, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của các HTX trong các trường hợp phải xử lý các vấn đề tài chính liên quan đến vốn của HTX như hợp nhất, giải thể... Nhưng để thống nhất về mặt từ ngữ, nên gọi hai loại này là *vốn được chia* và *vốn không được chia*.

- Tương tự, trong nội dung quản lý tài sản lưu động (TSLĐ), khi thì Thông tư nêu quy định về “Giá hạch toán nhập kho

**TSLĐ**”, khi thì nêu “Giá hạch toán của **vật tư**”. Theo tôi, phần này nên thống nhất đề cập về giá hạch toán của vật tư, thay vì giá hạch toán của TSLĐ, vì chúng ta đều biết trong TSLĐ còn có cả những khoản tiền mặt, tiền gửi, nợ phải thu... và những khoản này không cần xác định giá nhập kho.

- Doanh thu của HTX được định nghĩa “*Là toàn bộ giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà HTX đã bán, cung cấp cho các xã viên và khách hàng được các xã viên và khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán (chưa thu được tiền)*” là vừa thừa vừa thiếu: thừa vì đối với HTX nông nghiệp thì xã viên vừa là chủ sở hữu, vừa là khách hàng nên không cần phân biệt xã viên và khách hàng ở đây; thiếu vì chưa bao hàm được khoản doanh thu thực hiện qua hoạt động hàng đổi hàng (mà chỉ có khoản được **trả tiền** hoặc được chấp nhận thanh toán). Vì vậy, câu này nên sửa là “Doanh thu của HTX là toàn bộ giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà HTX đã bán, cung cấp cho khách hàng và được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán”.

- Khái niệm kết quả sản xuất kinh doanh sử dụng trong 3 phương pháp tính lương là không rõ ràng và dường như không thống nhất. Theo phương pháp 1 và 2 thì kết quả sản xuất kinh doanh được hiểu là lãi trước thuế, còn theo phương pháp 3 thì kết quả sản xuất kinh doanh là được tính bằng doanh thu trừ chi phí chưa có lương cán bộ quản lý. Theo tác giả, kết quả sản xuất kinh doanh là khái niệm đề

cập đến đầu ra của quá trình sản xuất kinh doanh, và có thể gồm nhiều chỉ tiêu khác nhau như : doanh thu, số lượng sản phẩm tiêu thụ, diện tích được tưới tiêu... Vì vậy, không thể đồng nghĩa lãi trước thuế với kết quả sản xuất kinh doanh, càng không thể dùng một thuật ngữ để định danh cho hai nội dung khác nhau.

- Khái niệm *tổng thu* và *tổng chi* trong nội dung công khai tài chính ở mục VII cũng không được diễn giải rõ. Phải chăng đây là doanh thu, chi phí hay là các khoản thu tiền và chi tiền? Nếu là các khoản thu tiền và chi tiền thì e rằng HTX khó xác định được, vì trong hệ thống báo cáo tài chính đối với HTX hiện nay chưa bắt buộc phải có báo cáo lưu chuyển tiền tệ; còn nếu là doanh thu, chi phí thì cần gọi tên lại cho đúng.

b) *Về tính đầy đủ và hợp lý của một số nội dung:*

- Theo chế độ quản lý tài chính của mọi doanh nghiệp, thì khoản vốn nhận góp liên doanh, nếu có, cần được coi là một trong các nguồn vốn hình thành nên vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên theo Thông tư 74 thì không thấy đề cập khoản vốn này trong các khoản vốn chủ sở hữu được liệt kê (trong nội dung phần *vốn không được chia*)

- Trong nội dung quản lý doanh thu và chi phí, phần doanh thu được phân thành bốn loại là: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu từ hoạt động dịch vụ cho xã viên, doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu từ các hoạt động khác, trong khi chi phí lại phân

thành hai loại là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí quản lý. Khoản chi phí cho các hoạt động khác như hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ không đề cập ở đây là một thiếu sót. Ngoài ra, cách phân loại như trên là thiếu tính logic, và có thể làm cho HTX lúng túng khi cần xác định mức miễn, giảm thuế TNDN theo các văn bản hướng dẫn Luật thuế TNDN hiện hành.

- Trong phần ví dụ cho cách tính lương theo phương pháp 2, Thông tư 74 chỉ dừng lại ở việc tính tổng quỹ lương mà không tính cụ thể mức lương của từng chức danh là bao nhiêu. Vì vậy, các HTX hiện đang có 2 cách hiểu:

+ Hệ số lương ấn định cho từng chức danh giống như phương pháp 1; và

+ Đại hội xã viên được quyết định hệ số lương cho từng chức danh.

- Bên cạnh những nội dung chưa được đề cập đầy đủ thì một số nội dung khi diễn giải chi tiết lại có sự trùng lặp giữa mục này với mục khác, hoặc không thật sự không cần thiết. Chẳng hạn, việc nêu rõ “tiền thu hồi công nợ, thu tạm ứng, thu vốn góp của xã viên, nhận vốn góp liên doanh của các tổ chức, cá nhân khác” không được hạch toán vào doanh thu là không cần thiết; Hoặc quy định khoản hỗ trợ đầu tư của Nhà nước (bằng tiền hoặc hiện vật), khoản tài sản do tổ chức, cá nhân tặng HTX được hạch toán tăng vốn không chia của HTX ở mục IV cũng không cần, vì điều này đã thể hiện ở mục II- Quản lý và sử dụng các nguồn vốn.

- Trong nội dung ở Bảng 2, phụ lục 1 (phần phương pháp tính lương thứ 2), quy định tỷ lệ lãi được trích cho việc trả lương trong trường hợp mức lãi đạt trên 50 đến 100 triệu đồng là 20% mức lãi tăng thêm so với 50 triệu là không hợp lý (tỷ lệ lãi được trích không còn theo nguyên tắc lũy thoái từng phần). Có lẽ đây là sơ suất của người soạn văn bản, vì trong ví dụ minh họa thì tỷ lệ này là 30%; vì vậy, để đảm bảo các HTX không áp dụng sai thì nên có văn bản đính chính nội dung này.

*c) Về khả năng áp dụng vào thực tiễn:*

Nội dung tính lương cho cán bộ quản lý là nội dung được các HTX quan tâm nhiều nhất ở Thông tư 74. Tuy nhiên, qua quá trình tập huấn và phỏng vấn ở một số HTX, chúng tôi nhận thấy khả năng vận dụng vào HTX sẽ không dễ với những lý do sau đây:

- Về kỹ thuật tính toán: Theo phương pháp 1 và 2 thì lương của cán bộ quản lý bao gồm 2 phần, một phần phụ thuộc vào doanh thu, một phần phụ thuộc vào lãi trước thuế của HTX. Nhưng lãi trước thuế của HTX được xác định bằng doanh thu trừ chi phí, trong đó có chi phí tiền lương của cán bộ quản lý. Như vậy, làm sao tính được tiền lương khi chưa xác định được lãi trước thuế.

- Về phương thức tiến hành: Theo hướng dẫn ở phương pháp 1 thì phải áp dụng định suất trả lương cán bộ quản lý HTX theo chức danh như sau: Chủ nhiệm 1,0; Phó Chủ nhiệm, Kế toán

trưởng, Trưởng ban kiểm soát: 0,8; Kế toán viên, cán bộ kỹ thuật, đội trưởng: 0,6. Việc quy định như vậy là cứng nhắc, vì thực tế cho thấy không phải ở HTX nào cũng có phó chủ nhiệm, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát làm việc với cùng trách nhiệm và năng lực như nhau. Do đó, việc quyết định hệ số theo chức danh nên để Ban quản trị HTX quyết định theo nguyên tắc tiền lương phải gắn với chức danh công việc, năng suất lao động và mức độ đóng góp đối với HTX thì hợp lý hơn.

Theo phương pháp 3 thì Đại hội xã viên cần quyết định số định suất trả lương, mức lương cho từng chức danh quản lý của HTX và tỷ lệ (%) khoán quỹ lương cán bộ quản lý HTX. Đây là công việc không đơn giản cho các xã viên HTX mà phần lớn có trình độ rất hạn chế. Nên chẳng chỉ giao cho Đại hội xã viên quyết định tỷ lệ khoán quỹ lương, còn Ban quản trị tự quyết định mức lương chi trả cho từng chức danh.

- Về tâm lý của xã viên: Đây là yếu tố có thể gây cản trở cho việc thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ quản lý HTX. Hiện nay, không ít HTX trả lương cho cán bộ quản lý rất thấp (ở Hậu Giang, mức lương *phổ biến* của chủ nhiệm các HTX là dưới 1 triệu đồng/tháng), thậm chí ở một số HTX, chủ nhiệm HTX còn không có lương, do doanh thu và lợi nhuận rất thấp. Nếu áp dụng phương pháp tính lương mới, tiền lương của cán bộ quản lý có thể tăng lên gấp nhiều lần, nên nhiều cán bộ quản lý

HTX bày tỏ tâm lý e ngại rằng xã viên sẽ không chấp nhận. Đơn cử ví dụ của một HTX thủy sản ở Bến Tre: với doanh thu 11,4 tỉ đồng/năm; lợi nhuận trước thuế là 6,8 tỉ; quỹ lương cán bộ quản lý theo cách tính hiện nay là 230 triệu; nhưng nếu áp dụng phương pháp tính lương thứ 2 (phương pháp này không cần đại hội xã viên quyết định tỷ lệ lãi trích để trả lương cán bộ quản lý) thì quỹ lương lên đến 1,9 tỉ đồng. Trường hợp khác, một HTX ở Hậu Giang có doanh thu chỉ 120 triệu đồng, lãi trước thuế khoảng 10 triệu, có 4 định suất chuẩn để trả lương. Nếu theo phương pháp 1 (giả định trích 15% lãi cho quỹ lương) thì lương chủ nhiệm được 625 ngàn đồng/tháng; trong khi hiện nay lương chủ nhiệm chỉ xấp xỉ 400 ngàn đồng.

Ở đây có một mâu thuẫn trong vấn đề quản lý, đó là mức lương thấp không tạo động lực cho bộ máy quản lý làm việc, nhưng trả lương cao thì xã viên không đồng tình. Vòng luẩn quẩn: Lương thấp - thiếu động lực - hiệu quả thấp - lương thấp... cứ như vậy tiếp diễn. Bài toán này chỉ được giải quyết khi HTX cần thay đổi hẳn phương thức tổ chức và điều hành, tách biệt hẳn chức năng giám sát và chức năng điều hành kinh doanh trong HTX. Tuy nhiên, do nội dung này không nằm trong phạm vi bài viết nên sẽ được bàn đến ở một chủ đề khác.

Ngoài những hạn chế nêu trên, cách trình bày văn bản cũng nên rõ ràng hơn để người đọc dễ áp dụng:

- Phần phụ lục chỉ nên trình bày ví dụ minh họa, không nên đưa toàn bộ nội dung về phương pháp tính lương, trong đó có cả những quy định mang tính chất pháp lý.

- Không nên dùng quá nhiều công thức một cách không cần thiết, không nên viết những ký hiệu mà cách viết khiến người đọc khó phân biệt. Đặc biệt, có những ký hiệu dùng trong công thức lại không được chú giải như Q<sub>1KH</sub>, Q<sub>2KH</sub>. Những ký hiệu (nếu cần thiết) phải viết, thì nên viết theo cách dễ đọc hơn như: QL<sub>TH</sub> thay vì QLTH, P<sub>KH</sub> thay vì PKH...

Các HTX nông nghiệp, chiếm tỷ trọng gần 50% số HTX trong cả nước có vai trò rất quan trọng trong việc giúp đỡ kinh tế hộ phát triển, góp phần xây dựng nông thôn mới, nhưng vẫn đang là những đơn vị nhỏ về quy mô, thiếu về kỹ thuật và yếu kém về quản lý. Do vậy, việc ban hành các chính sách, chế độ phù hợp sẽ góp phần giúp các HTX nông nghiệp có cơ sở hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện đời sống xã viên, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn. Thông tư 74 là một văn bản có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các HTX nông nghiệp, là kim chỉ nam cho công tác quản lý tài chính HTX, là sự khích lệ đối với kinh tế tập thể. Thông tư này sẽ được đón nhận tích cực hơn nếu tránh được những khiếm khuyết mà có thể do sự vội vàng trong quá trình soạn thảo gây nên.

Ngoài ra, điểm cần nói thêm là hiện nay, các HTX nông nghiệp vẫn phải áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 1017/TC/QĐ/CĐKT ngày 12/12/1997. Hệ thống tài khoản, chứng từ còn thiếu rất nhiều, hệ thống báo cáo tài chính chưa hoàn chỉnh. Để các HTX có thể vận dụng tốt Thông tư 74, việc cần làm tiếp theo là sớm ban hành chế độ kế toán phù hợp với tinh thần của Thông tư này. Các HTX nông nghiệp rất cần sự quan tâm của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp để công tác quản lý tài chính thực sự đi vào nề nếp, đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước./.

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Thông tư liên tịch số 74/2008/TTLT/BTC-BNN ngày 14 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính trong HTX nông nghiệp;

- Nghị định của Chính phủ số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2003;

- Luật của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 18/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về HTX;

- Quyết định số 1017/TC/QĐ/CĐKT ngày 12/12/1997 về chế độ kế toán áp dụng cho HTX nông nghiệp;

- Số liệu thống kê 6 tháng đầu năm 2008 của Liên minh HTX Việt Nam.